

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TRƯỚC SOÁT XÉT

Cho giai đoạn từ 01 tháng 07 đến ngày 30 tháng 09 năm 2013



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho giai đoạn từ 01/07/2013 kết thúc 30/09/2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đặng Thế Hưởng	Chủ tịch
Ông Phan Từ Giang	Thành viên
Ông Đỗ Thành Hưng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 08 tháng 05 năm 2012)
Ông Vũ Minh Tuấn	Thành viên (miễn nhiệm ngày 08 tháng 05 năm 2012)
Ông Hoàng Huy Hà	Thành viên
Ông Vũ Minh Phú	Thành viên (bổ nhiệm ngày 08 tháng 05 năm 2012)
Ông Nguyễn Văn Quang	Thành viên (bổ nhiệm ngày 08 tháng 05 năm 2012)

Ban Giám đốc

Ông Phan Từ Giang	Tổng Giám đốc
Ông Lê Hưng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Quốc Thành	Phó Tổng Giám đốc


TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không.
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc, 



Phan Từ Giang
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 10 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2013

MẪU B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2013	31/12/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		452.941.833.452	570.955.909.451
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	275.370.149.504	236.580.775.891
1. Tiền	111		145.370.149.504	206.580.775.891
2. Các khoản tương đương tiền	112		130.000.000.000	30.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		147.627.814.626	311.325.903.109
1. Phải thu khách hàng	131	6	139.443.420.868	304.985.235.158
2. Trả trước cho người bán	132		2.091.887.531	215.765.500
3. Phải thu theo tiến độ của hợp đồng xây dựng	134		-	-
4. Các khoản phải thu khác	135		6.092.506.227	6.124.902.451
III. Hàng tồn kho	140		21.199.611.555	22.157.903.423
1. Hàng tồn kho	141	7	21.199.611.555	22.157.903.423
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.744.257.767	891.327.028
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		766.636.245	23.415.702
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		7.977.621.522	867.911.326
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 =220+260)	200		998.575.824.157	1.103.367.872.498
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn khác	218		-	964.030.549.881
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	922.739.214.149
II. Tài sản cố định	220		855.610.695.515	1.242.808.909.788
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	821.616.897.651	(320.069.695.639)
- Nguyên giá	222		1.226.767.046.169	17.246.770.623
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(405.150.148.518)	35.269.773.145
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	8.581.354.758	(18.023.002.522)
- Nguyên giá	228		35.269.773.145	24.044.565.109
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(26.688.418.387)	891.327.028
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	25.412.443.106	23.415.702
II. Tài sản dài hạn khác	260		142.965.128.642	139.337.322.617
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	142.449.667.127	138.986.027.813
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		515.461.515	351.294.804
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.451.517.657.609	1.674.323.781.949

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2013

MÃU B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2013	31/12/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		957.439.339.836	1.021.174.681.727
I. Nợ ngắn hạn	310		215.334.890.739	196.614.232.630
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13	82.456.000.000	-
2. Phải trả người bán	312		29.895.358.159	75.020.502.242
3. Người mua trả tiền trước	313		12.917.796.540	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	10.720.614.747	8.292.546.390
5. Phải trả nhân viên	315		5.570.235.025	16.937.982.999
6. Chi phí phải trả	316	15	45.111.422.527	77.820.183.756
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	16	26.089.228.723	15.905.698.005
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.574.235.018	2.637.319.238
II. Nợ dài hạn	330		742.104.449.097	824.560.449.097
1. Vay và nợ dài hạn	334	17	742.104.449.097	824.560.449.097
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		494.078.317.773	653.149.100.222
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	485.263.325.347	641.357.496.101
1. Vốn cổ phần	411		594.897.870.000	594.897.870.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413		2.597.721.463	2.597.721.463
3. Lợi nhuận chưa phân phối	420		(112.232.266.116)	43.861.904.638
II. Nguồn kinh phí sự nghiệp	430		8.814.992.426	11.791.604.121
1. Nguồn kinh phí sự nghiệp	432		-	(3.728.020.655)
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		8.814.992.426	15.519.624.776
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		1.451.517.657.609	1.674.323.781.949

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

30/09/2013

31/12/2012

- Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ
- Ngoại tệ các loại
 - Đô la Mỹ
 - Euro

2.010.522,77

Nguyễn Phương Hường
Người lập biểu
Ngày 15 tháng 10 năm 2013

Nguyễn Văn Quang
Kế toán trưởng




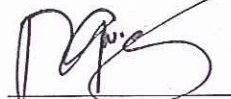
Phan Tử Giang
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho giai đoạn từ 01/07/2013 kết thúc 30/09/2013

MẪU B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	01/07/2013 đến	01/07/2012 đến
			30/09/2013	30/09/2012
1. Doanh thu gộp	01	20	150.849.331.702	185.798.791.182
2. Doanh thu thuần (10 = 01)	10		150.849.331.702	185.798.791.182
3. Giá vốn dịch vụ cung cấp	11		85.844.960.145	147.194.007.013
4. Lợi nhuận gộp (20=10-11)	20		65.004.371.557	38.604.784.169
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	2.520.934.921	1.693.111.989
6. Chi phí tài chính	22	22	17.384.820.661	22.957.155.722
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		17.173.761.799	22.866.928.548
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		10.140.468.538	10.285.088.564
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		40.000.017.279	7.055.651.872
9. Thu nhập khác	31		51.221.753	497.965.576
10. Chi phí khác	32		13.999.583	-
11. Lợi nhuận từ hoạt động khác (40=31-32)	40		37.222.170	497.965.576
12. Lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		40.037.239.449	7.553.617.448
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	23	-	-
14. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
15. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)	60		40.037.239.449	7.553.617.448
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	831.66	126.97


Nguyễn Phương Hương
Người lập biểu
Ngày 15 tháng 10 năm 2013


Nguyễn Văn Quang
Kế toán trưởng


Phan Tử Giang
Tổng Giám đốc



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH


MẪU B 09-DN

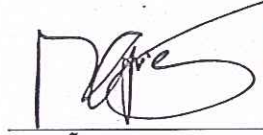
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho giai đoạn từ 01/07/2013 kết thúc 30/09/2013

MẪU B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	01/07/2013 đến 30/09/2013	01/07/2012 đến 30/09/2012
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	40.037.239.449	7.553.617.448
2. Điều chỉnh cho các khoản:		52.683.841.217	54.852.249.529
Khấu hao tài sản cố định	02	32.160.622.359	33.628.679.550
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(2.343.709.690)	(1.643.358.569)
Chi phí lãi vay	06	22.866.928.548	22.866.928.548
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	92.721.080.666	62.405.866.977
Biến động các khoản phải thu	09	(120.405.698.586)	50.346.932.026
Biến động hàng tồn kho	10	(1.064.445.225)	(1.214.816.647)
Biến động các khoản phải trả	11	40.772.478.337	(202.214.612.428)
Biến động chi phí trả trước	12	16.561.705	2.673.975.357
Tiền lãi vay đã trả	13	(17.173.761.799)	(8.042.952.266)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(2.686.635.955)	(3.026.395.370)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(7.820.420.857)	(99.072.002.351)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua tài sản cố định	21	-	(288.181.818)
2. Thu lãi tiền gửi	27	2.343.709.690	1.425.858.569
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	2.343.709.690	1.137.676.751
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền chi trả vốn góp cho các cổ đông	32	-	-
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	127.671.828.476
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(93.448.163.852)
4. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(27.551.798.268)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(27.551.798.268)	34.223.664.624
Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm	50	(33.028.509.435)	(63.710.660.976)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	308.398.658.939	200.848.778.983
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	275.370.149.504	137.138.118.007


Nguyễn Phương Hường
Người lập biểu
Ngày 15 tháng 10 năm 2013


Nguyễn Văn Quang
Kế toán trưởng


Phan Tử Giang
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500806844 ngày 9 tháng 7 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp, và các Giấy Chứng nhận điều chỉnh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2013 là 722 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 741 nhân viên).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là đóng mới, sửa chữa, hoán cải các loại giàn khoan, giàn khoan khai thác dầu khí, tàu thủy, phương tiện nổi và các thiết bị liên quan; kinh doanh các loại thiết bị và nguyên vật liệu liên quan.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC (“Thông tư 179”) quy định việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Thông tư 179 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2012 và được áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư 179 đưa ra hướng dẫn cụ thể về tỷ giá áp dụng đối với việc thanh toán và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 179 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản vay và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc thiết bị	5 - 7
Thiết bị văn phòng	3 - 15
Phương tiện vận tải	2 - 6
Tài sản hình thành từ nguồn kinh phí sự nghiệp	2 - 3
Tài sản khác	3

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là phần mềm vi tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm vi tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì giá mua sẽ được vốn hóa và hạch toán như tài sản vô hình. Phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê đất là 47 năm.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị thi công khu đất và chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng từ 2 đến 5 năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng. (xem chi tiết dưới đây)

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

384
TY
IÂN
IÂN Y
U KH
JT.BA

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất
Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn từ 01/07/2013 kết thúc 30/09/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất
Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn từ 01/07/2013 kết thúc 30/09/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/09/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền mặt	1.048.756.021	1.877.988.889
Tiền gửi ngân hàng	144.321.393.483	204.702.787.002
Các khoản tương đương tiền	130.000.000.000	30.000.000.000
	<u>275.370.149.504</u>	<u>236.580.775.891</u>

Khoản tương đương tiền thể hiện:

Khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn tại Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - chi nhánh Vũng Tàu (hiện là PVCombank chi nhánh Vũng Tàu) theo hợp đồng số 11/2013/HĐTG/PBSHIPYARD/PVFCV ngày 04/09/2013, số tiền gốc: 30.000.000.000, thời hạn: 04/07/2013 đến 04/09/2013, lãi suất: 6.8%/năm.

Khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đại Dương chi nhánh Vũng Tàu (OceanBank chi nhánh Vũng Tàu) theo hợp đồng số 03/2013/HĐTG-OJBVT ngày 23/01/2013, số tiền gốc: 100.000.000.000, thời hạn: 23/06, lãi suất: 6.3%/năm, thời hạn 23/08/2013 lãi suất: 5.8%/năm.

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	30/09/2013 VND	31/12/2012 VND
Ban Quản Lý Dự Án Đóng Mới Giàn Khoan (Tập đoàn Dầu khí Việt Nam)	-	303.119.858.350
ARKTIKMORNEFTEGAZRAZVEDKA Open Joint-Stock Company	130.355.799.889	
Cty CP DV Lắp Đặt, Vận Hành và Bảo Dưỡng Công trình DK Biển PTSC	4.751.754.518	
Khách hàng khác	4.335.866.461	1.865.376.808
	<u>139.443.420.868</u>	<u>304.985.235.158</u>

7. PHẢI THU THEO TIẾN ĐỘ HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG

	30/09/2013 VND	31/12/2012 VND
Doanh thu hợp đồng xây dựng ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh	-	4.036.779.709.178
Trừ: số đã phát hành hoá đơn theo tiến độ	-	4.036.779.709.178
	<u>-</u>	<u>-</u>

8. HÀNG TỒN KHO

	30/09/2013 VND	31/12/2012 VND
Nguyên liệu, vật liệu	16.247.629.543	15.933.020.154
Công cụ, dụng cụ	4.951.982.012	6.224.883.269
	<u>21.199.611.555</u>	<u>22.157.903.423</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Thiết bị hình thành từ nguồn kinh phí sự nghiệp VND	Khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ							
Tại ngày 01/07/2013	720.460.144.608	108.622.692.961	377.437.815.123	8.258.577.097	3.850.699.617	8.137.116.763	1.226.767.046.169
Tăng trong kỳ							
Kết chuyển từ chi phí XD CBDD							
Tại ngày 30/09/2013	720.460.144.608	108.622.692.961	377.437.815.123	8.258.577.097	3.850.699.617	8.137.116.763	1.226.767.046.169
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ							
Tại ngày 01/07/2013	219.240.631.989	44.659.705.824	95.413.075.879	6.585.877.015	1.939.285.688	5.804.544.269	373.643.120.664
Khấu hao trong năm	22.167.097.242	3.918.211.248	4.398.102.068	252.704.860	304.397.934	466.514.502	31.507.027.854
Tại ngày 30/09/2013	241.407.729.231	48.577.917.072	99.811.177.947	6.838.581.875	2.243.683.622	6.271.058.771	405.150.148.518
GIÁ TRỊ CÒN LẠI							
Tại ngày 30/09/2013	479.052.415.377	60.044.775.889	277.626.637.176	1.419.995.222	1.607.015.995	1.866.057.992	821.616.897.651

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2013, nguyên giá tài sản cố định hữu hình của Công ty bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 6.598.595.720 đồng (tài ngày 30 tháng 09 năm 2012: 6.153.140.173 đồng). Tài sản tạm dừng khấu hao là Cầu bán xích Terex 1250T có giá trị là 230.968.860.174 đồng đang sửa chữa tại Đức do hư hỏng nặng tại sự cố ngày 18/11/2012.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND	Phần mềm hình thành từ nguồn kinh phí sự nghiệp VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/07/2013	12.104.018.935	23.165.754.210	35.269.773.145
Tăng trong năm			
Tại ngày 30/09/2013	<u>12.104.018.935</u>	<u>23.165.754.210</u>	<u>35.269.773.145</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/07/2013	9.772.648.169	14.027.298.263	23.799.946.432
Khấu hao trong năm	957.992.439	1.930.479.516	2.888.471.955
Tại ngày 30/09/2013	<u>10.730.640.608</u>	<u>15.957.777.779</u>	<u>26.688.418.387</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 30/09/2013	<u>1.373.378.327</u>	<u>7.207.976.431</u>	<u>8.581.354.758</u>

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2013, nguyên giá tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 608.109.650 đồng (tại ngày 30 tháng 09 năm 2012: 608.109.650 đồng).

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/09/2013 VND	31/12/2012 VND
Tại ngày 1 tháng 1	24.044.565.109	75.433.977.758
Tăng trong năm	1.669.551.979	29.212.724.262
Kết chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	(73.952.190.258)
Kết chuyển sang tài sản vô hình	-	-
Kết chuyển sang chi phí trả trước	-	(6.523.118.455)
Kết chuyển sang chi phí khác	(301.673.982)	(126.828.198)
	<u>25.412.443.106</u>	<u>24.044.565.109</u>

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/09/2013 VND	31/12/2012 VND
Công cụ, dụng cụ	6.225.986.132	-
Tiền thuê đất	132.665.518.651	135.588.516.607
Khác	3.558.162.344	3.397.511.206
	<u>142.449.667.127</u>	<u>138.986.027.8132</u>

13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/09/2013 VND	31/12/2012 VND
Nợ dài hạn đến hạn trả	82.456.000.000	-
	<u>82.456.000.000</u>	<u>-</u>

Nợ ngắn hạn là khoản nợ vay dài hạn đến hạn trả từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam ("PVFC") nay là PVCombank chi nhánh Vũng Tàu theo hợp đồng tín dụng số 11/2011/HDTDUT/TC DK-CNVT.TD ngày 17 tháng 05 năm 2011 và số 07/HDTDUT/TC DK-CNVT.TD ngày 18 tháng 03 năm 2011. Khoản vay này được trình bày ở thuyết minh số 18.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/09/2013 VND	31/12/2012 VND
Thuế giá trị gia tăng	10.535.549.163	1.147.917.064
Thuế thu nhập cá nhân	106.226.793	613.189.004
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1	6.478.647.588
Thuế khác	78.838.790	52.792.734
	<u>10.720.614.747</u>	<u>8.292.546.390</u>

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/09/2013 VND	31/12/2012 VND
Chi phí lãi vay	37.287.310.643	66.567.002.520
Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản (gói thầu XL2 và EPC3)	-	8.105.434.254
Giá trị còn lại của gói XL12 theo BC kiểm toán	7.018.078.517	
Chi phí khác	806.033.367	3.147.746.982
	<u>45.111.422.527</u>	<u>77.820.183.756</u>

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	30/09/2013 VND	31/12/2012 VND
Phải trả cổ tức	23.718.746.500	14.033.444.684
Kinh phí công đoàn	233.120.441	511.619.544
Bảo hiểm xã hội	100.378.380	-
Bảo hiểm y tế	(926.236)	-
Bảo hiểm thất nghiệp	(366.660)	-
Phải trả khác	2.038.276.298	1.360.633.777
	<u>26.089.228.723</u>	<u>15.905.698.005</u>

17. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	30/09/2013 VND	31/12/2012 VND
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	742.104.449.097	824.560.449.097
	<u>742.104.449.097</u>	<u>824.560.449.097</u>

Vay dài hạn từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "PVFC") nay là PVCombank chi nhánh Vũng Tàu, gồm 2 hợp đồng tín dụng:

Hợp đồng tín dụng số 11/2011/HDTDUT/TC DK-CNV T. TD ngày 17 tháng 05 năm 2011 với số tiền 641.000.000.000 đồng cho mục đích thanh toán chi phí đầu tư của dự án "Xây dựng căn cứ đóng mới và sửa chữa giàn khoan dầu khí". Khoản vay chịu lãi suất 4,9%/năm, 14,1%/năm, 12,1%/năm và là khoản vay tín chấp. Thời hạn vay ban đầu là 12 tháng từ ngày 24 tháng 5 năm 2011 đến ngày 24 tháng 5 năm 2012 và gia hạn đến ngày 24 tháng 11 năm 2014 theo Phụ lục số 01/11/2011/HDTDUT/TC DK-CNV T. TD. Khoản vay này đã được giải ngân hết trong năm 2011.

Hợp đồng tín dụng số 07/HDTDUT/TC DK-CNV T. TD ngày 18 tháng 03 năm 2011 với số tiền tối đa là 250.000.000.000 đồng cho mục đích thanh toán chi phí đầu tư của dự án "Xây dựng căn cứ đóng mới và sửa chữa giàn khoan dầu khí". Lãi suất vay bằng lãi suất huy động vốn từ tổ chức kinh tế kỳ hạn 12 tháng của PVFC tại thời điểm xác định lãi suất cộng 5%/năm đối với khoản vay giải ngân trước ngày 6 tháng 10 năm 2011 và 14, 2%/năm đối với khoản vay giải ngân sau ngày 6 tháng 10

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất
Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn từ 01/07/2013 kết thúc 30/09/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

năm 2011. Khoản vay này là khoản vay tín chấp. Thời hạn vay là thời hạn từ khi Tập đoàn Dầu khí Việt Nam chuyển vốn ủy thác cho PVFC đến ngày 6 tháng 4 năm 2012. Trong năm 2011, Công ty đã giải ngân 153.197.270.000 đồng và trong năm 2012 đã giải ngân 30.363.179.097 đồng.

Ngày 09 tháng 05 năm 2013, Công ty và PVFC đã ký hai phụ lục hợp đồng tín dụng 02/07/HDTDUT/TC DK-CNV.TD và 02/11/2011/HDTDUT/TC DK-CNV.TD cho hai hợp đồng tín dụng. Theo đó, hai khoản vay được giãn hạn đến 31 tháng 12 năm 2018. Hai khoản vay sẽ được trả làm nhiều lần bắt đầu từ ngày 30 tháng 6 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018. Khoản vay chịu lãi suất bằng 100% lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng lãi trả sau của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm điều chỉnh lãi suất cộng phí ủy thác (0,15%/năm).

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau :

	30/06/2013
	VND
Trong vòng một năm	82.456.000.000
Trong năm thứ hai	164.912.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	494.736.000.000
Sau năm năm	82.456.449.097
	824.560.449.097
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn ở Thuyết minh số 13)	82.456.000.000
Số phải trả sau 12 tháng	742.104.449.097

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 01/01/2012	594.897.870.000	765.604.327	67.309.081.057	662.972.555.384
Lợi nhuận trong năm	-	-	22.470.614.465	22.470.614.465
Chia cổ tức	-	-	(41.642.850.900)	(41.642.850.900)
Trích quỹ	-	-	(4.274.939.984)	(4.274.939.984)
Tăng khác	-	1.832.117.136	-	1.832.117.136
Số dư tại ngày 31/12/2012	594.897.870.000	2.597.721.463	43.861.904.638	641.357.496.101
Lợi nhuận trong năm	-	-	(112.232.266.116)	(112.232.266.116)
Chia cổ tức	-	-	(29.744.893.500)	(29.744.893.500)
Số dư tại ngày 30/09/2013	594.897.870.000	2.597.721.463	(98.115.254.978)	494.078.317.773

Theo Nghị quyết số 030A/12/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08 tháng 05 năm 2012 của Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2012, các cổ đông của Công ty đã phê duyệt mức chi trả cổ tức năm 2011 từ lợi nhuận chưa phân phối của năm 2011 là 7% vốn điều lệ. Trong năm, Hội đồng quản trị Công ty đã thống nhất trình Đại hội đồng cổ đông tỷ lệ chia cổ tức năm 2012 là 5% vốn điều lệ. Tuy nhiên, Công ty chưa công bố chia khoản cổ tức này và tỉ lệ chia cổ tức cuối cùng sẽ do các cổ đông quyết định tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Cổ phần

	30/09/2013	31/12/2012
- Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	59.489.787	59.489.787
- Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng	59.489.787	59.489.787
- Số lượng cổ phần đang lưu hành	59.489.787	59.489.787

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất
Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn từ 01/07/2013 kết thúc 30/09/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Công ty chỉ có một loại cổ phần thường không hưởng cổ tức cố định với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

Chi tiết vốn điều lệ tại ngày 30/09/2013 và 31/12/2012 như sau:

	Tại ngày 30/09/2013 và ngày 31/12/2012	
	%	Số cổ phần
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	28,75	17.105.643
Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam	7,53	4.479.257
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	4,03	2.400.000
Xí nghiệp liên doanh Dầu khí Việt-Xô	3,63	2.161.300
Tổng Công ty lắp máy Việt Nam	4,03	2.400.000
Công ty Cổ phần LILAMA 18	3,03	1.800.000
Các cổ đông khác	49,00	29.143.587
	<u>100</u>	<u>59.489.787</u>

19. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là đóng mới, sửa chữa, hoán cải các loại giàn khoan, giàn khoan khai thác dầu khí, tàu thủy, phương tiện nổi và các thiết bị liên quan ở các tỉnh, thành phố trong nước. Ban Giám đốc Công ty nhận thấy rằng không có sự khác biệt về rủi ro và lợi ích kinh tế giữa các khu vực này. Trong năm hoạt động, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 là liên quan đến hoạt động kinh doanh chính. Vì thế, trong sự phù hợp với những quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 "Báo cáo bộ phận", Ban Giám đốc Công ty cho rằng báo cáo tài chính này không cần trình bày thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

20. DOANH THU CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/07/2013 đến 30/09/2013 VND	Từ 01/07/2012 đến 30/09/2012 VND
Hợp đồng xây dựng giàn khoan với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	-	133.035.927.217
Hợp đồng sửa chữa giàn Murmanskaya	134.375.786.758	
Hợp đồng thi công Spreader Bar cho POS	9.314.352.398	
Hợp đồng Bán cát phun sơn nhà thầu Semco	1.562.114.914	
Dịch vụ khác	5.597.077.632	52.762.863.963
	<u>150.849.331.702</u>	<u>185.798.791.182</u>

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	01/07/2013 đến 30/09/2013 VND	Từ 01/07/2012 đến 30/09/2012 VND
Hợp đồng xây dựng giàn khoan với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	-	126.700.883.064
Hợp đồng sửa chữa giàn Murmanskaya	76.351.515.950	
Hợp đồng thi công Spreader Bar cho POS	6.497.867.544	
Hợp đồng Bán cát phun sơn nhà thầu Semco	802.019.560	
Dịch vụ khác	2.193.557.091	20.493.123.949
	<u>85.844.960.145</u>	<u>147.194.007.013</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất

Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn từ 01/07/2013 kết thúc 30/09/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 01/07/2013 đến 30/09/2013 VND	Từ 01/07/2012 đến 30/09/2012 VND
Lãi tiền gửi	2.343.709.690	1.643.358.569
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	177.225.231	49.753.420
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
	2.520.934.921	1.693.111.989

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/07/2013 đến 30/09/2013 VND	Từ 01/07/2012 đến 30/09/2012 VND
Lãi tiền vay	17.173.761.799	22.866.928.548
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	211.058.862	90.227.174
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
	17.384.820.661	22.957.155.722

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/07/2013 đến 30/09/2013 VND	Từ 01/07/2012 đến 30/09/2012 VND
Lợi nhuận trước thuế	40.037.239.449	7.553.617.448
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	-
Trừ chuyển lỗ từ 01/01 đến 30/06/2012	-	(11.450.683.054)
Trừ chuyển lỗ từ 01/01 đến 30/06/2012	(166.386.516.703)	-
Thu nhập chịu thuế	(126.349.277.254)	(3.897.065.606)
Thu nhập chịu thuế hưởng thuế suất 10%	-	-
Thu nhập chịu thuế hưởng thuế suất 25%	-	-
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

Theo Công văn số 6031/CT-TTHT do Cục thuế tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu ký ngày 17 tháng 10 năm 2008, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo ba mức thuế suất như sau:

- Đối với các hoạt động đóng mới, sửa chữa, hoán cải các loại giàn khoan, giàn khoan khai thác dầu khí, tàu thủy, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập với thuế suất 20% trên lợi nhuận tính thuế trong mười năm kể từ năm bắt đầu hoạt động kinh doanh và theo thuế suất 25% cho các năm sau đó. Công ty cũng được miễn thuế thu nhập trong hai năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (2010), và được giảm 50% thuế thu nhập trong ba năm tiếp theo.

- Đối với hoạt động thi công công trình thủy, sản xuất các loại vật liệu, sản xuất thiết bị cơ khí và điện tử phục vụ công tác chế tạo giàn khoan, giàn khoan khai thác dầu khí và tàu thủy, chế tạo thiết bị và kết cấu thép cho các công trình hạ tầng và công nghiệp, nạo vét luồng lạch và san lấp tạo bãi, tạo mặt bằng xây dựng, cung cấp dịch vụ xây dựng cho công trình dầu khí, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập với thuế suất 25% theo quy định hiện hành. Công ty cũng được miễn thuế thu nhập trong hai năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (2010), và được giảm 50% thuế thu nhập trong hai năm tiếp theo.

- Đối với các hoạt động khác, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 25%.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất
Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho giai đoạn từ 01/07/2013 kết thúc 30/09/2013

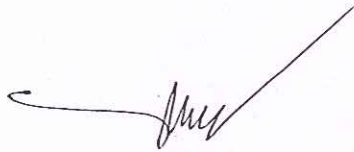
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

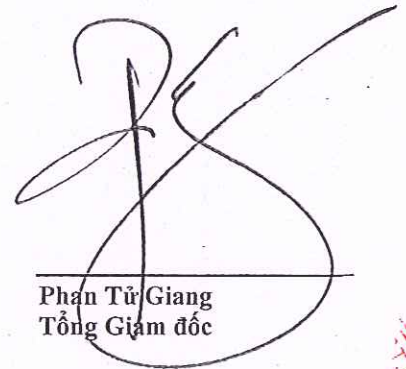
	Từ 01/07/2013 đến 30/09/2013 VND	Từ 01/07/2012 đến 30/09/2012 VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	40.037.239.449	7.553.617.448
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	59.489.787	59.489.787
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>831.66</u>	<u>126.97</u>



Nguyễn Phương Hương
Người lập biểu
Ngày 15 tháng 10 năm 2013



Nguyễn Văn Quang
Kế toán trưởng



Phan Tử Giang
Tổng Giám đốc

